

Quận 1, ngày 15 tháng 01 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ Trường THCS Văn Lang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 4/2023:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
Δ	TỔNG SỐ THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC				
I	Thu từ học phí, thu khác	1.243.125.000	363.438.463	29,24%	25,56%
	- Thu học phí	462.375.000	0		
	- Thu khác	780.750.000	363.438.463	46,55%	39,58%
<i>a</i>	+ Tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú	217.500.000			
<i>b</i>	+ Thiết bị vật dụng bán trú	17.500.000			
<i>c</i>	+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	162.500.000	363.185.000	223,50%	
<i>d</i>	+ Vệ sinh bán trú	50.000.000			
<i>e</i>	+ Tổ chức học kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	25.000.000			
<i>f</i>	+ Tổ chức học Tiếng Anh tăng cường	87.500.000			
<i>g</i>	+ Tổ chức học Tiếng Anh với người nước ngoài	125.000.000			
<i>h</i>	+ Tổ chức học Kỹ năng sống	62.500.000			
<i>i</i>	+ Tổ chức Ôn thi tuyển sinh Lớp 10	30.000.000			
<i>j</i>	+ Thu khác: 10% chi phí KNS				
<i>k</i>	+ Thu khác: lãi ngân hàng	3.250.000	253.463		
<i>l</i>	+ Tiền tổ chức lớp tin học tự chọn				
<i>m</i>	+ Tiền lớp học theo Đề án năng lực kiến thức kỹ năng ứng dụng tin học				
<i>n</i>	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Bóng rổ				
<i>o</i>	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Cầu lông				
<i>p</i>	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Mỹ thuật				
<i>q</i>	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Võ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
q	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Võ				
r	+ Tiền tổ chức dạy CLB tiếng Anh				
s	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Âm nhạc				
II	Chi từ học phí, thu khác	1.243.125.000	1.124.292.363	90,44%	86,44%
	- Chi học phí	462.375.000	216.032.000	46,72%	140,31%
	- Chi khác	780.750.000	908.260.363	116,33%	119,00%
a	+ Tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú	217.500.000	318.620.349		
b	+ Thiết bị vật dụng bán trú	17.500.000	38.627.200		
c	+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	162.500.000	246.217.943		
d	+ Vệ sinh bán trú	50.000.000	2.160.000		
e	+ Tổ chức học kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	25.000.000	92.050		
f	+ Tổ chức học Tiếng Anh tăng cường	87.500.000	50.505.834		
g	+ Tổ chức học Tiếng Anh với người nước ngoài	125.000.000	1.805.000	1,44%	
h	+ Tổ chức học Kỹ năng sống	62.500.000	44.327.708	70,92%	
i	+ Tổ chức Ôn thi tuyển sinh Lớp 10	30.000.000	4.536.450	15,12%	
j	+ Thu khác: 10% chi phí KNS		0		
k	+ Lãi ngân hàng	3.250.000	55.000		
l	+ Tiền tổ chức lớp tin học tự chọn		16.512.011		
m	+ Tiền lớp học theo Đề án năng lực kiến thức kỹ năng ứng dụng tin học		156.443.324		
n	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Bóng rổ		6.049.000		
o	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Cầu lông		7.759.000		
p	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Mỹ thuật		2.499.494		
q	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Võ		2.500.000		
r	+ Tiền tổ chức dạy CLB tiếng Anh		4.114.000		
s	+ Tiền tổ chức dạy câu lạc bộ Âm nhạc		5.436.000		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	TỔNG SỐ THU CHI TỪ CÁC QUỸ				
I	Thu từ các quỹ	0	825.149.375	0	0
	+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		83.804.839		
	+ Quỹ khen thưởng		106.009.570		
	+ Quỹ phúc lợi		284.287.115		
	+ Quỹ bổ sung thu nhập		351.047.851		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		5.800.000		
	+ Quỹ khen thưởng		10.800.000		
	+ Quỹ phúc lợi		3.600.000		
	+ Quỹ bổ sung thu nhập				
C	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.948.750.000	2.249.665.186	115,44%	136,69%
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.948.750.000	2.249.665.186	115,44%	136,69%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.001.141.500	1.644.742.029	164,29%	99,93%
6000	- Tiền lương	462.162.500	570.360.679	123,41%	115,86%
	6001- Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	462.162.500	570.360.679	123,41%	115,86%
6100	- Phụ cấp lương	233.490.000	287.121.983	122,97%	119,71%
	6101 - Phụ cấp chức vụ	9.163.500	10.728.000	117,07%	123,08%
	6112 - Phụ cấp ưu đãi nghề	132.490.750	175.291.141	132,30%	116,49%
	6113 - Phụ cấp trách nhiệm	894.000	6.804.000		
	6115 - Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	90.941.750	92.957.843	102,22%	121,32%
	6149 - Phụ cấp khác		1.340.999		
6300	- Các khoản đóng góp theo lương	126.757.000	158.728.191	125,22%	111,28%
	6301 - Bảo hiểm xã hội	94.639.000	118.214.941	124,91%	111,05%
	6302 - Bảo hiểm y tế	16.059.000	20.251.625	126,11%	110,97%
	6303 - Kinh phí công đoàn	10.706.000	13.507.751	126,17%	113,96%
	6304 - Bảo hiểm thất nghiệp	5.353.000	6.753.874	126,17%	111,03%
6400	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	13.500.000	480.191.936	3556,98%	93,70%
	6449 - Chi tiền tết	13.500.000			
	6449 - Chi CNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND		480.191.936		
6500	- Thanh toán dịch vụ công cộng	56.500.000	35.274.346	62,43%	65,97%
	6501 - Tiền điện	32.500.000	22.658.464	69,72%	77,03%
	6502 - Tiền nước	18.000.000	5.743.842	31,91%	31,38%
	6504 - Tiền vệ sinh môi trường	6.000.000	6.872.040		
6550	- Vật tư văn phòng	11.250.000	0		0%
	6551 - Văn phòng phẩm	3.750.000			
	6552 - Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	3.750.000			
	6599 - Vật tư văn phòng khác	3.750.000			
6600	- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	11.750.000	0	0%	0%
	6601 - Cuộc phí điện thoại	1.250.000			
	6605 - Cuộc phí Internet, thuê đường	6.000.000			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	6608 - Ấn phẩm truyền thông; sách, báo	4.500.000			
6700	- Công tác phí	1.250.000	0	0%	0%
	6704 - Khoản công tác phí	1.250.000			
6750	- Chi phí thuê mướn	49.482.000	0	0%	0%
	6757 - Thuê lao động trong nước	49.482.000			
6900	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	22.500.000	0	0%	0%
	6907 - Nhà cửa	7.500.000			
	6912 - Các thiết bị công nghệ thông tin	7.500.000			
	6921 - Đường điện, cấp thoát nước	7.500.000			
7000	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	12.500.000	4.000.000		
	7001 - Chi mua hàng hóa, vật tư	12.500.000			
	7004 - Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động		4.000.000		
	7079 - Chi khác				
7750	- Chi khác	0	0		
	7799 - Các khoản chi khác				
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	0	109.064.894		
	7951 - Chi lập quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
	7952 - Chi lập Quỹ phúc lợi		73.158.405		
	7953 - Chi lập Quỹ khen thưởng		25.000.000		
	7954 - Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		10.906.489		
1.2	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</u>	<u>947.608.500</u>	<u>604.923.157</u>	<u>63,84%</u>	<u>44,92%</u>
6100	- Phụ cấp lương	31.237.250	371.180.662	1188,26%	
	6105 - Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	31.237.250	371.180.662		
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học.	2.794.000	41.100.000		
	6156 - Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	1.544.000	18.000.000		
	6157 - Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	1.250.000	23.100.000		
6400	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	543.677.250	121.403.048		
	6449- Chi khác (dạy phổ cập, dạy khuyết tật)	543.677.250	121.403.048		
6900	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		71.239.447		
	6907 - Nhà cửa		71.239.447		

	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
750	- Chi khác	369.900.000	0		
	7766 - Cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục đào tạo	369.900.000			

Thủ trưởng đơn vị



Trần Ngọc Lâm